

CHUYÊN ĐỀ LUYỆN THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ LUYỆN THI ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG 2009

Môn: ĐỊA LÍ

Chuyên đề: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ

I. MỤC ĐÍCH CHUYÊN ĐỀ

Trình bày vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta, thông qua đó rút ra được ý nghĩa của rất quan trọng đối với đặc điểm tự nhiên, đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và vị thế của nước ta trên Thế Giới.

II. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Vị trí địa lí

- Việt Nam nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- Hệ tọa độ:
 - + Cực Bắc: 23⁰23'B – xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, Hà Giang
 - + Cực Nam: 8⁰34'B – xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, Cà Mau.
 - + Cực Đông: 109⁰24'Đ – xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa.
 - + Cực Tây: 102⁰09'Đ – xã Xín Thầu, huyện Mường Nhé, Điện Biên.
- Ranh giới giáp với: + Phía Bắc giáp Trung Quốc.
 - + Phía Đông giáp Biển Đông.
 - + Phía Nam giáp Biển Đông và Vịnh Thái Lan.
 - + Phía Tây giáp Campuchia và CHDCND Lào.
- Vị trí là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa (văn minh Trung Hoa, văn minh Ấn Hằng...) và luồng động thực vật từ bắc xuống, phía nam lên, đông đến và tây sang.
- Vị trí là nơi tiếp giáp của hai vành đai sinh khoáng lớn là Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.
- Vị trí nằm trọn trong múi giờ số 7 (theo giờ GMT).

2. Phạm vi lãnh thổ

Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm có 3 bộ phận: vùng đất, vùng trời và vùng biển.

2.1. Vùng đất.

- Bao gồm có phần đất liền và hải đảo với tổng diện tích là 331 212 km² (2006).
- Chiều dài đường biên giới trên đất liền hơn 4600 km, trong đó đường biên giới Việt Nam – Trung Quốc dài hơn 1400 km, đường biên giới Việt Nam – Lào dài gần 2100 km, đường biên giới Việt Nam – Campuchia dài hơn 1100 km.

- Phần lớn đường biên giới của nước ta nằm ở khu vực miền núi, việc thông thương qua lại giữa nước ta với các nước láng giềng được tiến hành qua các cửa khẩu.
- Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, cong như hình chữ S, chạy từ thị xã Móng Cái (Quảng Ninh) đến thị xã Hà Tiên (Kiên Giang). Với 28 tỉnh thành phố có đường bờ biển tạo điều kiện trực tiếp khai thác những tiềm năng to lớn của Biển Đông.
- Ngoài ra nước ta có tới hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là đảo ven bờ. Đặc biệt với hai quần đảo ở ngoài khơi xa bờ là quần đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa).

2.2. Vùng biển

- Biển nước ta giáp với biển của các nước: Trung Quốc, Campuchia, Philippin, Malayxia, Brunay, Indonexia, Xingapo và Thái Lan.
- Các bộ phận của vùng biển nước ta gồm có: vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. Với diện tích khoảng 1 triệu km² ở Biển Đông.
 - + Vùng nội thủy là vùng nước tiếp giáp với đất liền, phía trong đường cơ sở.
 - + Vùng lãnh hải là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, với chiều rộng 12 hải lí.
 - + Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển được qui định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển. Chiều rộng của vùng lãnh hải nước ta rộng 12 hải lí tính từ ranh giới vùng lãnh hải.
 - + Vùng đặc quyền kinh tế là vùng tiếp giáp với lãnh hải và hợp với lãnh hải tạo thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. Ở vùng này Nhà nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế, các nước khác được đặt ống dẫn dầu, cáp ngầm, tàu thuyền, máy bay... được tự do hoạt động theo Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982.
 - + Vùng thềm lục địa là phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, có độ saau khoảng 200 m hoặc hơn nữa.

2.3. Vùng trời

Là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta, trên đất liền được xác định bằng đường biên giới và trên biển là bên ngoài của lãnh hải và không gian các đảo.

3. Ý nghĩa của vị trí địa lí và lãnh thổ.

3.1. Thuận lợi

a. Ý nghĩa về mặt tự nhiên:

- Qui định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang sắc tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa:
 - + Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên có nền nhiệt cao (khoảng từ 23⁰C đến 27⁰C), lượng mưa trung bình năm lớn 1500 – 2000mm, độ ẩm trung bình >80%. Giúp cho việc hoạt động kinh tế có thể diễn ra quanh năm, nhất là trong nông nghiệp.

- + Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng thường xuyên của gió Mậu dịch và gió mùa châu Á trong năm.
- + Sự tác động của các khối khí kết hợp với vai trò của biển Đông đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, khác hẳn với các nước có cùng vị độ thuộc Tây Nam Á và Bắc Phi.
- Nằm trong khu vực giao thoa của hai vành đai sinh khoáng, trên đường giao lưu và di cư của nhiều loài động thực vật, mang lại sự đa dạng và vô cùng phong phú cho tài nguyên của nước ta.
- Vị trí cùng với hình thể kéo dài trên 15 vĩ độ đã tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên giữa miền Bắc với miền Nam, giữa miền núi với đồng bằng, ven biển, hải đảo. Tạo điều kiện cho đầy mạnh sự đa dạng hóa trong sản xuất, nhất là phát triển nông nghiệp
- Vị trí lãnh thổ giáp biển là cửa ngõ thông ra biển cho các nước Lào và Bắc Thái Lan, Campuchia và Tây Nam Trung Quốc.

b. Về kinh tế, văn hóa – xã hội và quốc phòng

- Về kinh tế:
 - + Vị trí nằm ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế là điều kiện giúp cho nước ta quan hệ, trao đổi và giao lưu văn hóa- kinh tế với nhiều nước trên thế giới.
 - + Tạo điều kiện thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
 - + Cụ thể thông qua hệ thống các cảng biển (Cái Lân, Hải Phòng, Sài Gòn...) và sân bay quốc tế lớn (Nội Bài, Tân Sơn Nhất...) cùng với các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên Á, đường hàng hải quốc tế.
 - + Vị trí nằm trong khu vực có nền kinh tế phát triển năng động của thế giới là điều kiện để nước ta phát triển kinh tế, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.
- Về văn hóa – xã hội: là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới, vì thế mang lại cho nước ta có sự đa dạng hóa bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc Việt Nam.
- Về an ninh quốc phòng:
 - + Đông Nam Á là khu vực có nền kinh tế phát triển năng động và rất nhạy cảm với biến động trên thế giới. Đòi hỏi cần phải có những chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

3.2. Khó khăn

- Đường biên giới dài, giáp nhiều quốc gia có chế độ chính trị khác nhau nên Việt Nam hết sức cần thiết chú ý tới việc đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự và hòa bình không những đối với đất nước mà còn cả với khu vực.
- Hàng năm có nhiều thiên tai luôn xảy ra: bão, lụt, hạn hán, sâu bệnh... làm tổn thất tới phát triển kinh tế và đời sống hàng ngày của người dân.

III. Củng cố kiến thức

Nội dung 1: Nêu đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta?

Nội dung 2: Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta đối với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

Gợi ý làm bài:

Nội dung 1:

Học sinh cần nêu được các ý chính sau:

1. Vị trí địa lí lãnh thổ nước ta:

- Việt Nam nằm ở rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- Mạng lưới tọa độ của nước ta: Cực Bắc: $23^{\circ}23'N$, Cực Nam: $8^{\circ}34'N$, Cực Đông: $109^{\circ}24'E$, Cực Tây: $102^{\circ}09'E$.
- Ranh giới giáp với: Trung Quốc; Campuchia và CHDCND Lào; Biển Đông và Vịnh Thái Lan.
- Vị trí là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa (văn minh Trung Hoa, văn minh Ấn Độ...) và luồng sinh vật.
- Vị trí là nơi tiếp giáp của hai vành đai sinh khoáng lớn là Địa Trung Hải và Thái Bình Dương.
- Vị trí nằm trọn trong múi giờ số 7.

2. Phạm vi lãnh thổ

- Lãnh thổ Việt Nam gồm có 3 bộ phận: vùng đất, vùng trời và vùng biển.

a. Vùng đất.

- Bao gồm có phần đất liền và hải đảo với tổng diện tích là $331\,212\text{ km}^2$ (2006).
- Chiều dài đường biên giới trên đất liền hơn 4600 km
- Phần lớn đường biên giới của nước ta nằm ở khu vực miền núi.
- Nước ta có đường bờ biển dài 3260 km, chạy từ thị xã Móng Cái (Quảng Ninh) đến thị xã Hà Tiên (Kiên Giang).
- Ngoài ra nước ta có tới hơn 4000 hòn đảo lớn nhỏ và hai quần đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng) và quần đảo Trường Sa (Khánh Hòa).

b. Vùng biển

- Vị trí vùng biển, tiếp giáp.
- Các bộ phận của vùng biển nước ta gồm có: vùng nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.
- Diện tích khoảng 1 triệu km^2 .

c. Vùng trời

- Là khoảng không gian bao trùm lên trên lãnh thổ nước ta, trên đất liền được xác định bằng đường biên giới và trên biển là bên ngoài của lãnh hải và không gian các đảo.

Nội dung 2: Phân tích ý nghĩa của vị trí địa lí nước ta đối với đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng.

1. Thuận lợi

a. Ý nghĩa về tự nhiên:

- Qui định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là mang sắc tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa:
 - Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên có nền nhiệt cao.
 - Nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng thường xuyên của gió Mậu dịch và gió mùa châu Á trong năm.
 - Vai trò của biển Đông làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển, khác hẳn với các nước có cùng vị độ thuộc Tây Nam Á và Bắc Phi.
- Nằm trong khu vực giao thoa của hai vành đai sinh khoáng, trên đường giao lưu và di cư của nhiều loài động thực vật, mang lại sự đa dạng và vô cùng phong phú cho tài nguyên của nước ta.
- Vị trí tạo nên sự phân hóa đa dạng của tự nhiên giữa miền Bắc với miền Nam, giữa miền núi với đồng bằng, ven biển, hải đảo.
- Vị trí giáp biển là cửa ngõ thông ra biển cho các nước Lào và Bắc Thái Lan, Campuchia và Tây Nam Trung Quốc.

b. Về kinh tế, văn hóa – xã hội và quốc phòng

- Về kinh tế:
 - Vị trí nằm ở ngã tư đường hàng hải và hàng không quốc tế là điều kiện giúp cho nước ta quan hệ, trao đổi và giao lưu văn hóa- kinh tế với nhiều nước trên thế giới, thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.
 - Vị trí nằm trong khu vực có nền kinh tế phát triển năng động của thế giới là điều kiện để nước ta phát triển kinh tế, đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.
- Về văn hóa – xã hội: là nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn trên thế giới mang lại cho nước ta sự đa dạng trong màu sắc văn hóa và truyền thống dân tộc.
- Về an ninh quốc phòng: Theo quan điểm địa lý chính trị và địa lý quân sự, nước ta có vị trí đặc biệt quan trọng ở vùng Đông Nam Á, một khu vực kinh tế rất năng động và nhạy cảm với những biến động chính trị trên thế giới. Đặc biệt biển Đông là một chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế.

2. Khó khăn

- Đường biên giới dài, giáp nhiều quốc gia có chế độ chính trị khác nhau nên Việt Nam hết sức cần thiết chú ý tới việc đảm bảo an ninh, quốc phòng, trật tự và hòa bình không những đối với đất nước mà còn cả với khu vực.
- Thiên tai thường xuyên xảy ra: bão, lụt, hạn hán, sâu bệnh... làm tổn thất tới phát triển kinh tế và đời sống hàng ngày của người dân.

IV. BÀI TẬP VỀ NHÀ

Câu 1: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam hãy nêu xác định vị trí và phạm vi lãnh thổ. Nêu tên các tỉnh thành phố có đường bờ biển chạy qua của nước ta?

Câu 2: Đánh giá tầm quan trọng của vị trí địa lí đối với việc phát triển giao thông vận tải ở nước ta?

Câu 3: Chọn đáp án đúng nhất:

3.1. Thuận lợi do hình dạng hẹp ngang và kéo dài của lãnh thổ Việt Nam mang lại:

- A. việc bảo vệ an ninh và chủ quyền lãnh thổ.
- B. khoáng sản đa dạng, nhưng phân bố không đều.
- C. thiên nhiên phân hoá đa dạng.
- D. giao thông Bắc – Nam.

3.2. Phần lớn đường biên giới trên đất liền của nước ta nằm ở khu vực:

- A. đồng bằng.
- B. miền núi.
- C. trung du.
- D. nhiều sông suối.

3.3. Vùng biển Việt Nam tiếp giáp với vùng biển của các nước:

- A. Trung Quốc, Campuchia, Thái lan, Philippin, Mailaixia, Brunây, Indônêxia, Xingapo.
- B. Trung Quốc, Campuchia, Thái lan, Philippin, Mailaixia, Brunây, Đông Timo, Mianma.
- C. Trung Quốc, Campuchia, Thái lan, Philippin, Indônêxia, Xingapo, Đông Timo, Mianma.
- D. Trung Quốc, Campuchia, Thái lan, Philippin, Xingapo, Đông Timo, Indônêxia, Mi-anma.

3.4. Theo công ước của Liên hợp quốc năm 1982 thì vùng đặc quyền kinh tế trên biển nước ta rộng 200 hải lí được tính từ:

- A. đường bờ biển.
- B. đường cơ sở.
- C. ranh giới lãnh hải.
- D. ranh giới tiếp giáp lãnh hải.

3.5. Có vị trí chiến lược quan trọng trong công cuộc xây dựng phát triển kinh tế và bảo vệ đất nước đối với nước ta là:

- A. vùng biên giới.
- B. biển Đông.
- C. vùng cửa khẩu.
- D. vùng đặc quyền kinh tế trên biển

Giáo viên: **Trần Ngọc Hưng**

Nguồn:  Hocmai.vn